

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TỔNG THỂ VÀO QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

APPLYING THE TOTAL QUALITY MANAGEMENT VIEWPOINT TO THE MANAGEMENT OF MORAL EDUCATION FOR STUDENTS AT DANANG UNIVERSITY AT THE PRESENT TIME

NGUYỄN THANH HOÀ
Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên là vấn đề cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Muốn vậy, các trường đại học phải tiến hành nhiều giải pháp một cách đồng bộ, trong đó tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục đạo đức là yếu tố then chốt. Trong bài báo này, trên cơ sở phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức cho sinh viên, vận dụng quan điểm tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể trong giáo dục, chúng tôi trình bày một số vấn đề trong việc quán triệt quan điểm quản lý chất lượng tổng thể để đổi mới trong công tác quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên.

ABSTRACT

Promoting the quality of ethic education for students is currently an urgent matter. In order to achieve this, universities have to carry out several solutions synchronically, of which the key factor is to reinforce and upgrade the effects of ethic education management. In this paper, based on an analysis of the factors affecting ethic education for students and applying the viewpoint of approaching the total quality management in education, the author presents some issues related to the mastery of the total quality management viewpoint so as to renovate in the the control ethic education.

Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo những người có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để thực hiện mục tiêu trên nhà trường đại học cần tiến hành giáo dục toàn diện cho sinh viên về các mặt, trong đó giáo dục đạo đức là mặt giáo dục quan trọng, có vị trí hàng đầu và được xem là linh hồn của nhà trường. Vì vậy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trước hết đòi hỏi phải nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã nhận định: “Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên... mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước”. Do đó, tăng cường giáo dục đạo đức cho sinh viên là nhiệm vụ cấp bách của nhà trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

Lý luận và thực tiễn giáo dục đã chỉ ra rằng, chất lượng và hiệu quả giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho sinh viên phụ thuộc vào nhiều yếu tố: nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục; hoạt động giáo dục của thầy và trò, điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường xã hội, công tác quản lý giáo dục. Trong đó, quản lý giáo dục được xem là yếu tố then chốt. Trong bài báo này, chúng tôi đề xuất một hướng đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức trên cơ sở vận dụng quan điểm quản lý chất lượng tổng thể trong giáo dục đạo đức cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

1. Quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên

1.1. GDĐĐ về bản chất là quá trình biến hệ thống các chuẩn mực đạo đức, từ những đòi hỏi bên ngoài của xã hội đối với cá nhân, thành những đòi hỏi bên trong của cá nhân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục.

Giáo dục đạo đức cho sinh viên là một hệ thống với các thành tố sau:

Mục tiêu của GDĐĐ: Xét đến cùng, mục tiêu GDĐĐ là xây dựng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Những phẩm chất này phải là hợp kim của các yếu tố nhận thức, tình cảm, hành vi và được thể hiện trong các thói quen đạo đức của mỗi người. Do đó, có thể xác định các nhiệm vụ của GDĐĐ là: trang bị cho sinh viên những tri thức cần thiết về tư tưởng, chính trị, đạo đức, nhân văn, kiến thức pháp luật và văn hóa xã hội; hình thành ở sinh viên thái độ đúng đắn, tình cảm, niềm tin đạo đức trong sáng đối với bản thân, mọi người, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc và với mọi hiện tượng xảy ra xung quanh; rèn luyện để mỗi sinh viên tự giác thực hiện những chuẩn mực đạo đức xã hội, có thói quen chấp hành qui định của pháp luật, nỗ lực học tập, rèn luyện, tích cực cống hiến sức lực, trí tuệ vào sự nghiệp CNH - HĐH đất nước.

Nội dung GDĐĐ: Trên cơ sở những định hướng chung về mục tiêu GDĐĐ của xã hội, mục tiêu GDĐĐ của nhà trường đại học, nội dung GDĐĐ cho sinh viên chính là hệ thống những phẩm chất thể hiện trong các mối quan hệ của con người với tự nhiên, xã hội, cộng đồng, với người khác, với bản thân và với công việc, gồm: nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện nhận thức tư tưởng chính trị; nhóm chuẩn mực đạo đức hướng vào sự tự hoàn thiện bản thân; nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện quan hệ với mọi người và dân tộc khác; nhóm chuẩn mực đạo đức thể hiện quan hệ đối với công việc; nhóm chuẩn mực đạo đức liên quan đến xây dựng môi trường sống.

Các phương pháp GDĐĐ cho sinh viên đó là các phương pháp giáo dục thuộc ba nhóm: nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động xã hội và hình thành kinh nghiệm ứng xử xã hội; nhóm các phương pháp hình thành ý thức cá nhân; nhóm các phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của sinh viên.

GDĐĐ cho sinh viên có thể được tiến hành thông qua con đường dạy các môn học; thông qua hoạt động ngoại khoá, hoạt động xã hội, hoạt động tập thể; qua tự tu dưỡng, tự rèn luyện, tự hoàn thiện đạo đức nhân cách của mỗi sinh viên.

Kết quả giáo dục đạo đức thể hiện ở những phẩm chất đạo đức đã được hình thành trong nhân cách sinh viên, ở những hành vi, thói quen đúng đắn trong cư xử của họ trong các quan hệ xã hội.

Với tư cách là một hệ thống, giáo dục đạo đức cho sinh viên chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Trong quá trình GDĐĐ, sinh viên chịu ảnh hưởng của sự tác động từ các phía khác nhau: gia đình, nhà trường, xã hội. Những tác động trên đan kết vào nhau rất mật thiết tạo ra ảnh hưởng đến sinh viên với sức mạnh không đều và không phải bao giờ cũng thống nhất với nhau. Vì vậy cần nghiên cứu nó, điều khiển nó theo hướng tạo ra ảnh hưởng tích cực, thống nhất đến quá trình GDĐĐ cho họ. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức cho sinh viên nổi bật lên một số yếu tố sau:

Thứ nhất là sự tác động của các nhân tố kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, chúng ta đã thực hiện đường lối đổi mới trong kinh tế - xã hội, chuyển từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước; thực hiện chính sách mở cửa và mở rộng nền dân chủ XHCN. Đường lối đổi mới của Đảng đã đem lại sự phát triển toàn diện, mạnh mẽ và sâu sắc

trong đời sống xã hội. Sự đổi mới đường lối kinh tế - xã hội, nghĩa là sự lựa chọn mới về hệ thống giá trị cơ bản của xã hội đã kéo theo sự biến đổi hệ thống định hướng giá trị trong mỗi con người. Bên cạnh việc hình thành những giá trị mới tích cực, nhiều hiện tượng tiêu cực đã nảy sinh và có ảnh hưởng xấu đến đạo đức thế hệ trẻ ở những điểm sau:

- Sự mở cửa, giao lưu với nước ngoài đã du nhập vào Việt Nam lối sống hưởng lạc tiêu xài xa xỉ. Điều đó dẫn đến nảy sinh tệ tham nhũng, nhiều tệ nạn xã hội...

- Sự phân hoá giàu nghèo diễn ra rất nhanh là tiền đề của sự bất bình đẳng trong nhiều lĩnh vực.

- Việc xoá bỏ cơ chế bao cấp, bên cạnh ưu điểm là mở rộng dân chủ trong quản lý kinh tế - xã hội, song nó cũng làm cho tâm lý tự lo lấy bản thân, gia đình tăng lên, tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, Tổ quốc bị giảm xuống.

- Trong mỗi gia đình, những thay đổi về đạo đức, lối sống cũng đang diễn ra mạnh mẽ. Mặt khác, hệ thống giá trị xã hội thay đổi, định hướng giá trị của từng người cũng thay đổi làm nảy sinh sự bất đồng ý kiến giữa các thành viên về nhiều vấn đề xã hội.

Như vậy, cơ chế thị trường đã làm tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất nhưng trong nhiều trường hợp đã không nâng cao đời sống tinh thần mà ngược lại, ảnh hưởng xấu đến đạo đức, lối sống và đời sống tinh thần nói chung của xã hội.

Thứ hai là, đặc điểm của sinh viên. Sinh viên đại học là những thanh niên ở lứa tuổi từ 17, 18 đến 24, 25. Ở cấp độ xã hội, sinh viên là đại biểu của một nhóm xã hội đặc biệt gồm những người đang chuẩn bị cho hoạt động lao động trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định, đang chuẩn bị để gia nhập vào đội ngũ trí thức xã hội. Ở cấp độ cá nhân, sinh viên là người đang trưởng thành về mặt xã hội, chín muồi về thể lực, định hình về nhân cách, đang học tập tiếp thu những tri thức, kỹ năng của một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

Về mặt tâm lý. Trong thời kỳ này sự phát triển trí tuệ được đặc trưng bởi sự nâng cao năng lực trí tuệ, biểu hiện rõ rệt nhất trong việc tư duy sâu sắc và rộng mở, có năng lực giải quyết những nhiệm vụ trí tuệ ngày một khó khăn hơn, cũng như có tiến bộ rõ rệt trong lập luận lôgic, trong việc lĩnh hội tri thức, trí tưởng tượng, sự chú ý và ghi nhớ. Đặc trưng cơ bản của sự phát triển trí tuệ của sinh viên là “tính nhạy bén cao độ”, khả năng giải thích và gán ý nghĩa cho những ấn tượng cảm tính nhờ vào kinh nghiệm và tri thức đã có trước đây. Những sự phát triển nói trên cùng với óc quan sát tích cực và nghiêm túc sẽ tạo khả năng cho lứa tuổi này biết cách lĩnh hội một cách tối ưu, mà đó chính là cơ sở của toàn bộ quá trình học tập, rèn luyện nhân cách.

Một trong những đặc điểm tâm lý quan trọng của lứa tuổi sinh viên là sự phát triển tự ý thức. Đó là quá trình tự quan sát, tự phân tích, tự kiểm tra, tự đánh giá về hành động và kết quả tác động của bản thân, về tư tưởng, tình cảm, phong cách đạo đức, hứng thú, v.v... là sự đánh giá toàn diện về chính bản thân và vị trí của mình trong cuộc sống. Tự ý thức chính là điều kiện để phát triển và hoàn thiện nhân cách, hướng nhân cách theo các yêu cầu của xã hội.

Về mặt xã hội. Ở sinh viên đang hình thành những hứng thú và thái độ mới, quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển những kỹ năng mới, cách ứng xử mới, tác phong đĩnh đạc để đối diện với môi trường xã hội ngày một mở rộng. Lứa tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất về tình cảm đạo đức và thẩm mỹ, là giai đoạn hình thành và ổn định tính cách, đặc biệt là vai trò xã hội của họ thay đổi. Trong thời kỳ này sinh viên có kế hoạch riêng cho hoạt động của mình và độc lập trong phán đoán và hành vi, có sự biến đổi mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị xã hội có liên quan đến nghề nghiệp. Họ xác định cho mình con đường sống, tích cực nắm vững nghề nghiệp và bắt đầu thể nghiệm mình trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, sinh viên có khát vọng được cống hiến, mong muốn được xã hội đánh giá và sinh viên có khả năng

tự đánh giá mình, mong muốn tự hoàn thiện. Vì vậy, đây là giai đoạn tốt nhất, quan trọng nhất cho việc GDĐĐ cho sinh viên. Đồng thời phải coi GDĐĐ cũng quan trọng như đào tạo kiến thức khoa học, chuyên ngành.

Thứ ba là mối quan hệ giữa giáo dục và tự giáo dục. Sự hình thành và phát triển đạo đức của cá nhân là quá trình lâu dài và phức tạp. Trong quá trình đó những tác động bên ngoài và những động lực bên trong thường xuyên tác động lẫn nhau, vai trò của mỗi yếu tố thay đổi tùy theo từng giai đoạn phát triển của con người. Sự hình thành đạo đức dưới tác động của giáo dục sẽ biến thành tự giáo dục trong đó tự tu dưỡng là yếu tố cơ bản. Ở lứa tuổi sinh viên khi các em đã có sự trưởng thành nhất định về nhân cách thì tự tu dưỡng đóng vai trò hết sức quan trọng. Đồng thời, trong quá trình GDĐĐ, nhà giáo dục đóng vai trò chủ đạo, với tư cách là chủ thể giáo dục, tiến hành những tác động có định hướng đến sinh viên. Sinh viên không phải chỉ là đối tượng giáo dục mà còn là chủ thể tự giáo dục. Do đó, hoạt động giáo dục của nhà giáo dục chỉ có thể đạt được hiệu quả nếu như hoạt động này kích thích và thống nhất được với hoạt động tự giáo dục của sinh viên. Mặt khác, hoạt động tự giáo dục có thể đạt được hiệu quả cao nếu như sinh viên khai thác được sự định hướng và hỗ trợ của hoạt động giáo dục của nhà giáo dục. Vì vậy, để hoạt động tự giáo dục có thể đạt được hiệu quả cao, các nhà giáo dục cần giúp sinh viên nắm vững mục đích, yêu cầu, phương pháp và tổ chức việc tự tu dưỡng làm cho sinh viên hiểu rằng tự tu dưỡng diễn ra trong hoạt động thực tiễn mới có kết quả; biết kiểm tra và tự đánh giá thường xuyên.

Thứ tư là vai trò của tập thể sinh viên. Tập thể sinh viên là môi trường và phương tiện giáo dục quan trọng. Nhóm và tập thể là đại diện cho xã hội và là một bộ phận của xã hội ảnh hưởng đến việc hình thành đạo đức của họ. Kinh nghiệm đạo đức của nhóm và tập thể là nguồn kinh nghiệm chính về đạo đức cho sinh viên. Vì vậy, cần xây dựng tập thể sinh viên thành tập thể tốt: có mục đích thống nhất, có tinh thần trách nhiệm cao đối với xã hội, yêu cầu chặt chẽ đối với các thành viên, mọi thành viên phải phục tùng ý chí của tập thể, có sự lãnh đạo thống nhất, các thành viên phải bình đẳng trước tập thể.

Thứ năm là điều kiện cơ sở vật chất cho công tác giáo dục. Cơ sở vật chất của nhà trường có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên vì nó tạo nên cảnh quan sư phạm, cung cấp các phương tiện cho các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên; tạo các điều kiện cần thiết để sinh viên có thể thực hiện được những hành vi cần được giáo dục theo mục tiêu của nhà trường. Vì vậy, trường đại học cần đặc biệt quan tâm xây dựng các điều kiện vật chất cần thiết phục vụ cho công tác giáo dục đạo đức.

Thứ sáu là vai trò của công tác quản lý giáo dục. Công tác quản lý đóng vai trò then chốt là nhân tố đảm bảo sự thành công của công tác GDĐĐ. Vì nó tạo ra sự thống nhất ý chí trong nhà trường; định hướng sự phát triển của hoạt động giáo dục trên cơ sở mục tiêu chung, hướng sự nỗ lực của mọi người vào mục tiêu đó; tổ chức, điều hòa, phối hợp, hướng dẫn hoạt động của các cá nhân trong quá trình giáo dục; tạo động lực cho mọi cá nhân, tạo môi trường và điều kiện bảo đảm phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả của quá trình giáo dục đạo đức.

Tóm lại, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục đạo đức cho sinh viên, song quản lý giáo dục đạo đức là yếu tố đóng vai trò then chốt. Muốn tăng cường và nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên cần tăng cường công tác quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên.

1.2. Quản lý GDĐĐ là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý nhằm đưa hoạt động GDĐĐ đạt tới kết quả mong muốn một cách hiệu quả nhất. Về bản chất, quản lý GDĐĐ là quá trình tác động có định hướng của chủ thể quản lý lên các thành tố tham gia vào quá trình hoạt động GDĐĐ nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu GDĐĐ.

Xuất phát từ mục tiêu chung của công tác quản lý, mục tiêu của quản lý giáo dục đạo đức gồm:

- Mục tiêu giáo dục: đảm bảo thực hiện có chất lượng mục tiêu GDĐĐ cho sinh viên theo yêu cầu của công tác giáo dục do nhà nước qui định.

- Mục tiêu xã hội: xây dựng tập thể giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho công tác GDĐĐ; tham gia xây dựng con người mới, nền văn hóa ở địa phương.

- Mục tiêu kinh tế: tiết kiệm tiền của, tài sản, vật tư, thời gian của nhà trường, của xã hội; không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện các mục tiêu GDĐĐ, mục tiêu xã hội với chi phí ít nhất.

- Mục tiêu cải tiến quản lý: làm cho sự quản lý có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Mục tiêu này có tác dụng quyết định việc thực hiện các mục tiêu của nhà trường.

Các mục tiêu phải được cụ thể hóa, chia mỗi mục tiêu thành các mục tiêu con. Mỗi mục tiêu con lại được phân tích thành những mục tiêu nhỏ hơn... cho đến những mục tiêu có thể xây dựng được chuẩn để so sánh, đánh giá mức độ thực hiện.

Nội dung quản lý giáo dục đạo đức. Căn cứ vào bản chất và quá trình GDĐĐ, nội dung công tác quản lý GDĐĐ gồm: quản lý việc thực hiện mục tiêu GDĐĐ; quản lý việc thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDĐĐ; quản lý việc xây dựng các điều kiện phục vụ cho công tác GDĐĐ; quản lý việc phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác GDĐĐ; quản lý việc đánh giá kết quả GDĐĐ.

Biện pháp QLGD đạo đức. Để đạt được những mục tiêu của quản lý giáo dục đạo đức, các chủ thể quản lý giáo dục trong trường đại học phải thực hiện tốt các chức năng cơ bản của quản lý giáo dục: kế hoạch hoá; tổ chức phân công; chỉ đạo thực hiện; kiểm tra đánh giá và điều chỉnh. Đồng thời họ cũng cần quan tâm đến việc nâng cao nhận thức cho các thế hệ lớn tuổi, cán bộ, đảng viên, đội ngũ làm công tác QLGD, các cán bộ, giảng viên, sinh viên trong nhà trường về sự cần thiết phải tăng cường công tác quản lý giáo dục đạo đức; *Xây dựng một cơ chế tổ chức* và chỉ đạo thống nhất toàn xã hội về quản lý GDĐĐ từ trung ương đến cơ sở, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền. Xác định rõ mục đích, nội dung, chức năng quản lý GDĐĐ cho các cơ quan chức năng chuyên trách; *Củng cố, tăng cường việc quản lý ở gia đình và cộng đồng*, kết hợp chặt chẽ với quản lý của nhà trường và các đoàn thể trong việc quản lý và GDĐĐ cho mọi người; *Thực hiện nghiêm minh luật pháp*, tăng cường công tác quản lý xã hội.

1.3. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy công tác quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên nói chung, quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên ở Đại học Đà Nẵng nói riêng còn nhiều bất cập.

Các văn kiện của Đảng, Nhà nước và các công trình nghiên cứu về khoa học quản lý giáo dục đã chỉ ra những bất cập trong công tác quản lý giáo dục và quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên. Chẳng hạn:

- Thiếu văn bản pháp quy xác định nội dung nhiệm vụ, quy định trách nhiệm thực hiện cho từng cấp;

- Nhiều cán bộ quản lý chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác quản lý GDĐĐ, chưa gắn kết quả quá trình hoạt động dạy học với hoạt động giáo dục toàn diện;

- Buông lỏng việc định hướng bằng kế hoạch vĩ mô, công tác kế hoạch hoá còn yếu, công tác thanh tra, kiểm tra chưa thường xuyên, liên tục;

- Chưa xây dựng được mạng lưới tổ chức quản lý, đội ngũ cán bộ thiếu, yếu, chưa được đào tạo; chưa có chế độ chính sách thoả đáng cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Tại Đại học Đà Nẵng, trong những năm qua được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể, nhiều cán bộ quản lý có nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên. Tuy nhiên, ý thức nhập cuộc nhằm tạo chuyển biến thực sự cho công tác này vẫn còn nhiều hạn chế.

ĐHĐN đã củng cố bộ máy quản lý ở tâm vĩ mô như thành lập Ban Công tác Chính trị... Song cũng còn một số khó khăn nhất định đó là, không có cán bộ chuyên trách, đội ngũ cán bộ thiếu về số lượng, phần lớn chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, số lượng sinh viên đông, phân tán trên địa bàn rộng; thiếu chủ động trong việc triển khai và thực hiện kế hoạch, sự phối hợp các lực lượng tham gia quản lý chưa thực sự đồng bộ.

Những tồn tại trong công tác quản lý đã dẫn đến công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên còn nhiều bất cập: nội dung, hình thức chưa hấp dẫn; phương pháp chưa phong phú, cập nhật, phương pháp giáo dục nặng về lý thuyết; việc kiểm tra đánh giá chưa được tiến hành thường xuyên; việc khen thưởng, xử phạt chưa đủ mạnh để động viên khuyến khích mọi lực lượng tham gia. Cụ thể là:

Về nội dung giáo dục: những phẩm chất cần thiết đã được nhà trường quan tâm giáo dục cho sinh viên như động cơ học tập, tính tự lực trong học tập, ý thức tổ chức kỷ luật trong học tập, tinh thần tự giác thực hiện nội quy, quy chế, ý thức giữ gìn bảo vệ cơ sở vật chất... tuy nhiên một số phẩm chất cần thiết để sinh viên có thể tham gia tích cực vào xã hội còn chưa được quan tâm đúng mức như khiêm tốn, khả năng kiểm chế, lòng khoan dung độ lượng, lòng dũng cảm, tinh thần hợp tác, tiết kiệm thời gian, tiền của...

Về phương pháp giáo dục: chủ yếu vẫn là phương pháp giáo dục ý thức về các chuẩn mực đạo đức, không khác mấy so với phương pháp giảng dạy tri thức. Nhìn chung, các phương pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên ở ĐHĐN chưa phong phú, thiếu linh hoạt.

Về hình thức tổ chức giáo dục: chủ yếu thông qua các bài giảng lý luận Mác - Lê nin, sinh hoạt lớp, đoàn, Hội sinh viên, hoạt động thể dục, thể thao, quân sự. Các hoạt động chính trị thời sự chưa hấp dẫn, việc giáo dục đạo đức cho sinh viên qua bài giảng bộ môn còn nặng nề áp đặt. Điều đó đặt ra vấn đề cần tiếp tục đổi mới các hình thức giáo dục đạo đức cho sinh viên.

Thực trạng trên đã dẫn đến nhận thức của sinh viên về các vấn đề tư tưởng, chính trị, đạo đức thì tương đối cao nhưng hành vi thực tế còn chưa tương xứng với nhận thức.

Từ những bất cập nêu trên, việc tăng cường giáo dục đạo đức và nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên là vấn đề cấp thiết.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên theo quan điểm quản lý chất lượng tổng thể

2.1. Ngày nay, không những trong sản xuất kinh doanh mà trong giáo dục ở nhiều nước trên thế giới, người ta đã đề cập đến chất lượng tổng thể. Theo quan điểm chất lượng tổng thể thì các nhà quản lý giáo dục cũng chính là nhà quản lý chất lượng tổng thể. Hoạt động của họ, chủ yếu “hướng vào việc thường xuyên nâng cao chất lượng, nhờ tăng cường khả năng của toàn bộ hệ thống các yếu tố tác động đến quá trình giáo dục, trên cơ sở xây dựng nền văn hoá chất lượng cao và sự hợp tác của các thành viên của tổ chức”.

Chất lượng giáo dục là chất lượng của quá trình đào tạo nhân cách. Do vậy muốn đánh giá đúng chất lượng giáo dục cần phải xem xét toàn bộ hệ thống các thành tố tác động đến quá trình giáo dục. Nghĩa là phải đánh giá chất lượng của toàn bộ hệ thống các thành tố đó.

Như vậy, đối với trường học, chất lượng tổng thể là chất lượng của toàn bộ hệ thống các thành tố tác động đến quá trình giáo dục. Các thành tố tác động đến quá trình giáo dục của

bất kỳ một nhà trường nào đều bao gồm: mục tiêu, nội dung, phương pháp, giáo viên, người học, cơ sở vật chất, công tác quản lý, môi trường xã hội...

Dựa vào cơ sở lý luận trên, chúng ta có thể nói chất lượng tổng thể của công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên là chất lượng của toàn bộ hệ thống các thành tố tác động đến quá trình giáo dục đạo đức.

2.2. Từ sự phân tích lý luận và thực tiễn ở trên, tiếp thu các lý thuyết hiện đại về quản lý giáo dục trên thế giới, chúng tôi cho rằng để tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên cần vận dụng quan điểm tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể (Total Quality Management - TQM) trong giáo dục.

Có nhiều cách định nghĩa về TQM, nhưng tất cả đều thống nhất quan điểm rằng, TQM là một quy trình quản lý chú trọng đến những yêu cầu của khách hàng, ngăn ngừa rủi ro, xây dựng những cam kết thể chế cho phép mọi người cùng tham gia quyết định. Sự quản lý trong đó tất cả mọi người phải được đào tạo tốt, có đủ thẩm quyền để vận hành công việc của mình, phải thường xuyên có ý thức sáng tạo, nâng cao chất lượng dù ở bất cứ vị trí công việc nào vào thời điểm nào. Điều quan trọng của hệ thống TQM là sự thu hút tất cả mọi thành viên của tổ chức vào quá trình quản lý chất lượng và thực hiện quản lý theo chức năng. *Đó là kế hoạch hoá; tổ chức phân công; chỉ đạo thực hiện; kiểm tra đánh giá và điều chỉnh. Xuất phát từ quan điểm TQM, trong việc thực hiện từng chức năng quản lý có một số vấn đề cần quan tâm như sau:*

Về kế hoạch hoá: Kế hoạch hoá là một công việc rất quan trọng, vì “hiệu quả của toàn bộ hoạt động quản lý nhà trường phụ thuộc trước hết vào chất lượng kế hoạch”. Do vậy, thực hiện chức năng này đòi hỏi người quản lý phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ quản lý, biết dự đoán và lựa chọn các phương án, biện pháp tốt nhất để thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

Như trên đã trình bày, TQM chú trọng nhu cầu khách hàng, ngăn ngừa rủi ro, xây dựng những cam kết bảo đảm chất lượng trong nội bộ lực lượng lao động và thúc đẩy thể chế cho phép mọi người cùng tham gia quyết định. Cho nên, để đảm bảo kế hoạch mục tiêu của nhà trường thực sự có ý nghĩa tạo nên mối cam kết của mọi người về ý thức trách nhiệm, về chất lượng trong tất cả các công đoạn của quá trình hoạt động đào tạo thì nhà trường cần chú trọng mở rộng dân chủ trong quá trình xây dựng kế hoạch mục tiêu. Bằng cách tổ chức cho tất cả cán bộ giảng viên được tích cực tham gia vào khảo sát đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất nhà trường, đội ngũ cán bộ giáo viên, sự tham gia của các lực lượng xã hội, được đề xuất ý kiến và bàn bạc thảo luận đi đến thống nhất về chỉ tiêu, kế hoạch, biện pháp phấn đấu. Đây là cách đảm bảo nguyên tắc dân chủ trong quản lý nhà trường và cũng là nhằm làm cho mọi người thấm nhuần trách nhiệm về chất lượng không những của bản thân mà của tất cả các thành viên. Đồng thời, đó là cách tạo nên sự thống nhất đồng thuận và cam kết của họ từ lãnh đạo đến cán bộ giảng viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

Về tổ chức phân công: TQM là sự đổi mới nhận thức về tổ chức trong lĩnh vực quản lý. Để thực hiện TQM đòi hỏi phải có một tổ chức phù hợp với cách quản lý đó. Con người trong hệ thống quản lý là cơ sở của công tác TQM. Đó là sự kết hợp tính chuyên môn cao và công tác tổ chức đúng đắn. Công tác tổ chức đúng đắn phải phân công đúng người đúng việc, có sự phân công trách nhiệm và quyền hạn cho từng bộ phận, cá nhân rành mạch, rõ ràng. Một tổ chức trong đó mọi thành viên đều được chia sẻ trách nhiệm quản lý đối với quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao của bản thân mình, đồng thời có trách nhiệm với toàn bộ hệ thống.

Về chỉ đạo thực hiện: Trong TQM không riêng gì lãnh đạo, mà tất cả cán bộ công chức, giảng viên ở bất cứ vị trí nào của nhà trường đều tự giác, có trách nhiệm giám sát tiến trình thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có thể có những vướng mắc hay tình huống thay đổi thì mọi người được bàn bạc, đưa ra những

biện pháp kịp thời, nhằm điều chỉnh một số hoạt động, bổ sung các điều kiện hay cách làm để có hiệu quả hơn trong việc phấn đấu đạt mục tiêu chung.

Muốn vậy cần có quy định về trách nhiệm, thường xuyên phản ánh kịp thời các sự cố hay vướng mắc để cùng giải quyết; tạo điều kiện cho các bộ phận chủ động họp bàn về việc thực hiện nhiệm vụ hàng tuần, hàng tháng, nhằm thống nhất chọn lựa biện pháp và sự phối hợp đồng bộ giữa các cá nhân, bộ phận để tiến hành công việc một cách nhịp nhàng và có hiệu quả nhất. Trong đó, vấn đề hợp tác, phối hợp giữa những người lao động, trong trường cần phải được chú trọng.

Theo C.Mác, chức năng quản lý thể hiện sự kết hợp một cách hợp lý các yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất, ở việc xác lập một sự ăn khớp giữa những người lao động riêng biệt. Nếu chức năng này không được thực hiện thì quá trình hợp lý của lao động không thể thực hiện được. Chính cách làm như thế mới có thể bảo đảm rằng, TQM là cải tiến không ngừng và có thể đạt được do quần chúng và thông qua quần chúng.

Kiểm tra đánh giá: Mục đích của việc đánh giá là nhằm ngăn chặn những sai sót, không ngừng cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống nhà trường. Nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm đánh giá việc xây dựng kế hoạch, quá trình quản lý thực hiện các nhiệm vụ, kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra, mức độ đáp ứng yêu cầu. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ được thực hiện theo định kỳ, đột xuất hay kiểm tra đánh giá cuối năm học, mà cần phải tiến hành thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng người, từng bộ phận và toàn trường.

Tóm lại, mỗi chức năng đều có những đặc trưng riêng, quyết định vị trí của nó trong quá trình quản lý, nhưng giữa các chức năng có mối quan hệ gắn liền, đảm bảo sự thống nhất trong toàn bộ quá trình quản lý. Nếu thiếu một trong những chức năng nào đó hoặc không thống nhất giữa các chức năng thì sẽ không đạt được mục đích. Quản lý chất lượng tổng thể trong giáo dục đạo đức cho sinh viên đòi hỏi phải đổi mới thực hiện từng chức năng và đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện các chức năng trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 BCHTW khoá VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
- [2] Edward Sallis, *Quản lý chất lượng tổng thể trong giáo dục*, Kogan Page, Philadelphia - London.
- [3] Phạm Minh Hạc, *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [4] Nguyễn Thanh Hoà, *Biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên ở Đại học Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục, ĐHSPT Hà Nội, 2002.
- [5] Nguyễn Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí, *Lý luận đại cương về quản lý*, Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục và Đào tạo, 1996.
- [6] Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1996.